

Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày 01 - 02- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân.

Ông Đỗ Văn Thư.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2017/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Trương Văn T, sinh năm 1981 tại Hải Dương; ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 9, xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn Nh (đã chết) và bà Bùi Thị X, sinh năm 1953; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Bản án số 49/HSST ngày 14 tháng 8 năm 2001 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 01 tháng 10 năm 2017, tạm giam ngày 06 tháng 10 năm 2017; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Trần Minh N, sinh năm 1975, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Lương Văn T, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; Có mặt

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Anh Lương Quang L sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 3 giờ ngày 01 tháng 10 năm 2017, Trương Văn T đi bộ đến khu vực thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng. Khi đi qua lán thu mua phế liệu của anh Lương Quang L thuộc xã Nam Sơn, huyện A, thành phố Hải Phòng ở ven Quốc lộ 5 chiều Hà Nội- Hải Phòng, thấy trong lán đèn sáng và có người đang ngủ, Thủy đã len vào lấy trộm chiếc điện thoại OPPO F3 của anh Lương Văn T, sinh năm 1999, trú ở M, V, Sơn La là người trông lán đèn trên giường. T giấu điện thoại vào túi quần đi ra khỏi lán được khoảng 10 mét thì thấy anh L đi xe máy đến. Do sợ bị phát hiện nên T đã ném chiếc điện thoại vừa lấy được xuống rìa đường. Anh L vào lán đánh thức anh T dậy kiểm tra mất điện thoại đã đuổi theo bắt giữ Thủy đồng thời tìm thấy chiếc điện thoại bị T lấy trộm ở rìa đường.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A kết luận: Chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO của anh Lương Văn T giá trị còn lại khoảng 50%-60%, trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Tại cơ quan điều tra, Trương Văn T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại Cáo trạng số 03/CT - VKS ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo Trương Văn T về tội: “ Trộm cắp tài sản ” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn T khai nhận khoảng 03 giờ sáng ngày 01 tháng 10 năm 2017 bị cáo đi bộ dọc Quốc lộ 5 đến địa phận thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng thì phát hiện thấy trong lán dựng ven đường có người nằm ngủ, bên cạnh có để 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Lương Văn T vào thời gian và địa điểm như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, việc truy tố và xét xử là đúng người, đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội đối với bị cáo. Qua quan điểm phát biểu Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Trương Văn T từ 09 (chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản ”. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu UMY U 112 vỏ màu đỏ có số IMEI 815000080206209 và bộ quần áo thu giữ của bị cáo Trương Văn T.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn T nhất trí với tội danh và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo Trương Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b Điều 51 Bộ luật hình sự xử bị cáo Trương Văn T mức hình phạt dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trương Văn T.

Khi nói lời nói sau cùng, bị cáo Trương Văn T đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với bản kết luận định giá tài sản ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trương Văn T đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản là chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F3 của anh Lường Văn T vào ngày 01 tháng 10 năm 2017 tại thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" vi phạm Điều 138 Bộ luật hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A là có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý, nhân thân không tốt nên phải xử phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét tình tiết định khung hình phạt: Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Dương, tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh Lương Văn T có trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nên hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 49/HSST ngày 14 tháng 8 năm 2001 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt bị cáo 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã được xóa án tích nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải, tài sản bị cáo chiếm đoạt giá trị không lớn, đã được thu hồi nguyên vẹn, trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo và có quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến, bị cáo có hai bác ruột là liệt sỹ được nhà nước tặng bằng vàng danh dự nên bị cáo được áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Phạm tội gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Trương Văn T có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Mặc dù bị cáo T đồng ý bồi thường cho người bị hại nhưng thực tế bị cáo không tác động đến gia đình bồi thường cho người bị hại do vậy đề nghị của người bào chữa cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Chiếc điện thoại nhãn hiệu UMY U 112 vỏ màu đỏ có số IMEI 815000080206209 và bộ quần áo là tài sản riêng của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo T không nhận lại tài sản do vậy nên tịch thu tiêu hủy 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu UMY U 112 vỏ màu đỏ có số IMEI 815000080206209 và bộ quần áo thu giữ của bị cáo.

[5] Về những vấn đề khác:

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Xét bản thân bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình thuộc hộ cận nghèo nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện A đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại anh Lương Văn T chiếc điện thoại di động nhãn

hiệu OPPO F3 số IMEI1: 864212033807914; IMEI2:864212033807906. Anh Tuyên đã nhận lại chiếc điện thoại trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

- Về án phí: Gia đình bị cáo Trương Văn T thuộc hộ cận nghèo nên theo quy định của pháp luật, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Trương Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo Trương Văn T tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2017.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu UMY U 112 vỏ màu đỏ có số IMEI 815000080206209 và bộ quần áo thu giữ của bị cáo Trương Văn T.

(Tình trạng, đặc điểm thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 12 năm 2017 của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện A)

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trương Văn T.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Sở Tư pháp HP; Phòng PV27, PC81;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tươi

